TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 3 - 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Dương Thị Lan Anh
2. Bà Trần Thị Quế Anh

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Bích Ngọc -Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Hoàng Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị L, năm sinh 2002
Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai-Vắng mặt.
2. *Bị đơn*: Anh Lâm Văn T, năm sinh 1993
Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai-Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L và anh Lâm Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 15/10/2021 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tà Chải, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, nên thường xuyên cãi chửi nhau, mỗi lần xảy ra mâu thuẫn thì anh T hay đánh chị, hiện chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo động viên nhưng vẫn không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, cuộc sống vợ chồng không

hạnh phúc, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Văn T.

- Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Lương Thị L và anh Lâm Văn T có 01 con chung: Cháu Lâm Hồng N sinh ngày 15/10/2021, hiện cháu đang ở cùng anh T, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, do chị đi làm xa, ít có thời gian để chăm sóc con, điều kiện nuôi con của chị không bằng anh T nên khi ly hôn chị L yêu cầu Toà án giải quyết cho anh T được nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị Lương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Lâm Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T nhất trí với chị Lương Thị L trình bày về thời gian và quá trình chung sống giữa anh và chị L. Do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không có sự cảm thông chia sẻ với nhau nên đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 đến nay, nhưng do cháu N còn nhỏ, không muốn cháu sống thiếu tình cảm của bố mẹ nên anh không nhất trí ly hôn.

- Về nuôi con khi ly hôn: Anh T nhất trí với chị L trình bày về con chung, từ khi anh chị sống ly thân cháu Lâm Hồng N đang ở cùng anh, nếu phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh làm nghề tự do tại địa phương, thu nhập khoảng 9.000.000 đồng /01 tháng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

- Về quan hệ tài sản: Anh Lâm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo các Điều 70, 71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về hôn nhân: Giải quyết cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Lâm Văn T.

+ Về con chung: Giao cho anh Lâm Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Hồng N, sinh ngày 15/10/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Lương Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản: Không đề nghị giải quyết.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo qui định Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị xét xử; sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị L và anh Lâm Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau; mâu thuẫn của anh T và chị L đã được gia đình động viên nhưng không thành, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Chị L xác nhận tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng; anh T thừa nhận vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân , không còn quan tâm đến nhau, nhưng do con chung của anh chị còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Lương Thị L và anh Lâm Văn T có 01 con chung là cháu Lâm Hồng N, sinh ngày 15/10/2021, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện cháu đang ở cùng anh T. Sau khi ly hôn chị L và anh T đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị L và anh T đều làm nghề tự do, thu nhập của anh T khoảng 9.000.000 đồng /01 tháng, thu nhập của chị L khoảng 4.000.000 đồng /01 tháng. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì anh T có điều kiện nuôi con tốt hơn chị L vì anh T làm gần nhà và đang ở cùng bố mẹ đẻ nên có thời gian chăm sóc con nhiều hơn, thu nhập cao hơn chị L, từ khi anh chị sống ly thân cháu N vẫn đang ở cùng anh T; cả anh T và chị L đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được nuôi cháu N nên cần giao cho anh T được nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 1,3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có

quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lương Thị L, anh Lâm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Lương Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1,3 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị L và anh Lâm Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Lâm Hồng N, sinh ngày 15/10/2021 cho anh Lâm Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Lương Thị L phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001323 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- UBND xã T;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Hương